

Số: /BC-UBND

Định Hóa, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm;
nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022**

Năm 2022 là năm đầu thực hiện thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022-2025, tình hình dịch Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh đã dần khôi phục trở lại trạng thái bình thường; các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế – xã hội được triển khai tích cực. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn chung, giá xăng dầu tăng, lạm phát tăng cao ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại trên địa bàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện khoá XX, kỳ họp thứ ba về phương án phân bổ nguồn lực đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng huyện Định Hóa năm 2022; Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện khoá XX, kỳ họp thứ ba về phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 huyện Định Hóa. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 7686/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 huyện Định Hóa, Quyết định số 7888/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Định Hóa. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022.**

1. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 477.718,4 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Thu NSNN trên địa bàn: Ước thực hiện 25.883,4 triệu đồng, đạt 47,7% KH giao, bằng 83,4% cùng kỳ năm 2021 (*trong đó: ngân sách trung ương hưởng 1.016,5 triệu đồng, ngân sách tỉnh hưởng 660,4 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 20.698,1 triệu đồng, ngân sách xã hưởng 3.508,4 triệu đồng*). Thu NSNN trên địa bàn (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất*) ước thực hiện: 21.811,9 triệu đồng đạt 46,7% KH giao, bằng 81,3% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể các chỉ tiêu thu như sau:

Một số chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước ước thực hiện cao hơn so với mức bình quân chung là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 56,6% KH giao; Thu lệ phí trước bạ đạt 51,4% KH giao; Thu phí và lệ phí ước đạt 71,7% KH giao; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 47,2% KH giao; Thu tiền sử dụng đất ước đạt 54,3% KH giao;

Có 02 chỉ tiêu thu ước thực hiện cao so với kế hoạch giao cả năm là: Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương ước đạt 108,5% KH giao (*do phát sinh số thu của Trạm khai thác nước sinh hoạt, số tiền 172 triệu đồng*); Thu tiền cho thuê đất ước đạt 134,3% KH giao (*do phát sinh ghi thu tiền thuê đất của Hợp tác xã công nghiệp vận tải Chiến Công là 223,4 triệu đồng*).

Có 03 chỉ tiêu thu ước thực hiện đạt thấp so với mức bình quân chung là: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 42,3% KH giao; Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 41,1% KH giao; thu khác ngân sách ước đạt 36% KH.

Nguyên nhân đạt thấp so với mức bình quân chung là:

Đối với chỉ tiêu thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước thực hiện 10.141,3/24.000 triệu đồng, đạt 42,3% KH, bằng 73% so với cùng kỳ năm 2021: Do những tháng đầu năm 2022, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng trệ, cùng với việc thực hiện chính sách miễn thuế theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTV Quốc hội, số thu thuế ngoài quốc doanh 6 tháng đầu năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm trước;

Đối với chỉ tiêu thuế thu nhập cá nhân: số thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và chuyển nhượng bất động sản ước thực hiện 1.273 triệu đồng/3.100 triệu đồng, đạt 41,1% KH. Trong năm, phát sinh hoàn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn là 170 triệu đồng làm giảm số thu thuế thu nhập cá nhân 6 tháng đầu năm.

Đối với chỉ tiêu thu khác ngân sách ước thực hiện 1.438,6/4.000 triệu đồng, đạt 36% KH, bằng 86,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2022 không phát sinh thu hồi các khoản chi năm trước và khoản tịch thu khác, giảm thu ngân sách so với năm 2021 là 488,3 triệu đồng.

Trong 6 tháng cuối năm 2022, UBND huyện Định Hóa sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các giải pháp, tập trung vào các chỉ tiêu thu chiếm tỷ trọng lớn như: Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, thu phí và lệ phí, phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2022.

1.2. Thu quản lý qua ngân sách (thu đối ứng xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới) ước thực hiện: 2.729,5 triệu đồng.

1.3. Thu trợ cấp ngân sách ước thực hiện: 395.434,2 triệu đồng đạt 73,1% KH giao. Chỉ tiêu này tăng do 6 tháng đầu năm 2022, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ khác như: kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông; kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên; kinh phí hỗ trợ các xã về đích nông thôn mới; bổ sung nguồn vốn đầu tư năm 2022, nguồn thu sở xố kiến thiết...;

1.4. Thu chuyển nguồn ngân sách thực hiện: 53.629,3 triệu đồng, trong đó:

Chuyển nguồn khôi huyện là 57.787,4 triệu đồng, bao gồm: chuyển nguồn tạm ứng đầu tư xây dựng cơ bản: 281 triệu đồng; chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, chính sách an sinh xã hội: 28.379,8 triệu đồng; chuyển nguồn ngân sách cấp bổ sung sau 30/9: 16.939,4 triệu đồng; chuyển nguồn kinh phí từ tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 chuyển sang: 7.187,3 triệu đồng.

Chuyển nguồn khôi xã là: 841,9 triệu đồng kinh phí tạm ứng công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

1.5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên thực hiện: 41,9 triệu đồng, kinh phí ngân sách xã nộp trả ngân sách huyện kinh phí hết nhiệm vụ chi theo kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính tại Kết luận số 1233/KL-STC ngày 21/4/2022.

(chi tiết theo biểu số 01 kèm theo)

2. Chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi ngân sách nhà nước ước thực hiện: 325.342,7 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Chi trong cân đối ước thực hiện: 242.365,1 triệu đồng, đạt 40,1% KH giao, bằng 92,6% so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể các chỉ tiêu chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện: 2.098,5 triệu đồng, trong đó: Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất ước thực hiện: 1.875,1/6.750 triệu đồng, đạt 27,8% KH giao; ghi chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng được đối trừ vào tiền thuê đất hàng năm của Hợp tác xã công nghiệp vận tải Chiến Công thực hiện: 223,4 triệu đồng.

- Chi thường xuyên ước thực hiện: 236.896,1 triệu đồng, đạt 40,4% KH giao. Trong 6 tháng đầu năm các cơ quan, đơn vị đã chủ động sử dụng kinh phí được giao đáp ứng các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra, ưu tiên bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chính sách về tiền lương, tiền công, an sinh xã hội. Kết quả thực hiện một số lĩnh vực chi như sau: Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước đạt 39,6% KH; chi quốc phòng ước đạt 73,1%; chi an ninh ước đạt 41,7%, chi đảm bảo xã hội ước đạt 47,5%; chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 20,3%; chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể ước đạt 40,4%...

- Chi dự phòng ngân sách ước thực hiện: 3.370,5 triệu đồng, trong đó:

Dự phòng ngân sách huyện thực hiện: 759,6 triệu đồng, bao gồm chi hỗ trợ người điều trị do nhiễm Covid-19 và người cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và chi phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2022.

Dự phòng ngân sách xã thực hiện: 2.610,9 triệu đồng, chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh covid những tháng đầu năm và một số nhiệm vụ cấp bách khác.

2.2. Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 ước thực hiện: 2.727,1 triệu đồng chi thanh toán trả nợ các công trình xây dựng cơ bản.

2.3. Chi chuyển giao ngân sách thực hiện: 62.456,3 triệu đồng, trong đó bổ sung cân đối cho ngân sách xã là 56.426 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã là 6.029,7 triệu đồng.

2.4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh thực hiện 17.794,2 triệu đồng, đạt 41,7% KH tỉnh giao, 47,4 KH huyện giao.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2022 các nhiệm vụ về chi thường xuyên, an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng đều được đảm bảo; UBND các cấp đã chủ động trong sử dụng các nguồn kinh phí kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ chính trị phát sinh.

Đặc biệt trong những tháng đầu năm, toàn huyện đã tập trung nguồn lực để thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh covid-19, với tổng kinh phí khoảng 3.253,4 triệu đồng (trong đó: cấp huyện là: 699,5 triệu đồng; cấp xã là: 2.553,9 triệu đồng).

(chi tiết theo biểu số 02 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Thuận lợi:

- Trong những tháng đầu năm, tình hình dịch Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trạng thái bình thường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách.

- Công tác triển khai sử dụng hóa đơn điện tử giúp cơ quan thuế chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn, từ đó góp phần ngăn chặn tình trạng gian lận thuế, trốn thuế, nâng cao hiệu quả thu thuế đối với các hộ kinh doanh, doanh nghiệp.

2. Một số khó khăn:

- Việc triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân (*trong chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội*) dẫn đến nguồn thu tại một số chỉ tiêu giảm.

- Năm 2022 là năm đầu thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025, một số chế độ phát sinh chưa được bố trí trong dự toán như: Chế độ hỗ trợ cho công tác viên thú y cơ sở; kinh phí tăng thêm đối với cán bộ hưu xã do điều chỉnh tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng; tăng mức tiền ăn cho dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ... dẫn đến việc điều hành ngân sách gặp khó khăn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Về thu ngân sách:

- Tập trung đánh giá, phân tích, rà soát các nguồn thu để đưa ra các giải pháp sớm hoàn thành kế hoạch thu NSNN được giao, tập trung ở một số chỉ tiêu thu chiếm tỷ trọng lớn như: Thu ngoài quốc doanh, thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ.

- Tiếp tục rà soát đưa vào quản lý thuế đối với các cá nhân, hộ kinh doanh mới; chuyển đổi mô hình quản lý thuế từ thuế khoán sang kê khai thuế đối với các cá nhân, hộ kinh doanh có doanh thu lớn.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế ngay từ khâu phối hợp cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế đến kê khai, nộp thuế. Tập trung kiểm tra các tờ khai có dấu hiệu rủi ro, những lĩnh vực kinh doanh có dấu hiệu tiềm ẩn kê khai không đủ thuế. Rà soát tình hình sản xuất

kinh doanh để chủ động đơn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đúng, nộp đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ, theo dõi, quản lý các mã số thuế tạm ngừng kinh doanh.

2. Về chi ngân sách:

- Tiếp tục tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Hạn chế tối đa các khoản phát sinh ngoài dự toán, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục chủ động sử dụng dự phòng ngân sách và các nguồn lực địa phương để thực hiện phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022 của UBND huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tú

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND huyện Định Hóa)

DVT: Đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán tính giao năm 2022			Dự toán huyện giao năm 2022	Thực hiện thu NSNN đến 31/5/2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Trung ương	Tỉnh	Tổng huyện hưởng			So sánh (%)			
		Tổng cộng	Tỉnh hưởng	Huyện hưởng theo điều tiết						Tổng cộng	Huyện	Xã	TH /DTT	TH/ DTH	ƯTH/ DTT	ƯTH/ DTH
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6	8	9	10=11+12	11	12	7=5/1* 100	8=5/4* 100	9=6/1* 100	10=6/4 *100
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)	594 808 000 000	3 970 000 000	590 838 000 000	594 808 000 000	406 948 841 735	477 718 397 677	1 016 537 075	660 411 422	476 041 449 180	406 505 409 380	69 536 039 800				
I	Thu NSNN trên địa bàn (a+b)	54 220 000 000	3 970 000 000	50 250 000 000	54 220 000 000	20 330 626 651	25 883 427 000	1 016 537 075	660 411 422	24 206 478 503	20 698 087 081	3 508 391 422	37,5	37,5	47,7	47,7
a	<i>Thu NSNN trên địa bàn (không tính thu tiền sử dụng đất)</i>	<i>46 720 000 000</i>	<i>3 220 000 000</i>	<i>43 500 000 000</i>	<i>46 720 000 000</i>	<i>16 759 147 001</i>	<i>21 811 947 000</i>	<i>1 016 537 075</i>	<i>253 263 422</i>	<i>20 542 146 503</i>	<i>18 739 053 289</i>	<i>1 803 093 214</i>	<i>35,9</i>	<i>35,9</i>	<i>46,7</i>	<i>46,7</i>
1	Thu DNNN địa phương	230 000 000	230 000 000		230 000 000	247 599 515	249 600 000		28 180 095	221 419 905	221 419 905		107,7	107,7	108,5	108,5
2	Thu khu vực kinh tế NQD	24 000 000 000		24 000 000 000	24 000 000 000	7 311 298 394	10 141 298 000			10 141 298 000	9.573.390.347	567.907.653	30,5	30,5	42,3	42,3
3	Thuế thu nhập cá nhân	3 100 000 000		3 100 000 000	3 100 000 000	1 023 026 168	1 273 026 000		- 131 449 485	1 404 475 485	1.404.475.485		33,0	33,0	41,1	41,1
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40 000 000		40 000 000	40 000 000	22 623 554	22 624 000			22 624 000	5.266.076	17.357.924	56,6	56,6	56,6	56,6
5	Thu tiền cho thuê đất	400 000 000		400 000 000	400 000 000	407 291 940	537 292 000		62 125 903	475 166 097	475 166 097		101,8	101,8	134,3	134,3
6	Lệ phí trước bạ	12 500 000 000		12 500 000 000	12 500 000 000	5 229 433 443	6 429 433 000			6 429 433 000	6 429 433 000		41,8	41,8	51,4	51,4
7	Phí và lệ phí	2 300 000 000		2 300 000 000	2 300 000 000	1 399 261 842	1 649 262 000	190 345 605	25 357 108	1 433 559 288	461.526.609	972.032.678	60,8	60,8	71,7	71,7
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	150 000 000	150 000 000		150 000 000	70 858 000	70 858 000	14 000	70 844 000				47,2	47,2	47,2	47,2
9	Thu khác ngân sách	4 000 000 000	2 840 000 000	1 160 000 000	4 000 000 000	1 047 754 145	1 438 554 000	826 177 470	198 205 802	414 170 728	168 375 770	245 794 958	26,2	26,2	36,0	36,0
-	<i>Thu phạt ATGT</i>	<i>1 200 000 000</i>	<i>1 500 000 000</i>		<i>1 200 000 000</i>	<i>399 979 000</i>	<i>479 974 000</i>	<i>479 974 000</i>					33,3	33,3	40,0	40,0
-	<i>Thu tiền bảo vệ đất trồng lúa</i>	<i>140 000 000</i>	<i>140 000 000</i>		<i>140 000 000</i>	<i>146 550 000</i>	<i>176 550 000</i>		<i>153 359 900</i>	<i>23 190 100</i>	<i>23 190 100</i>		<i>104,7</i>	<i>104,7</i>	<i>126,1</i>	<i>126,1</i>
10	Thu hoa lợi công sản															
b	Thu tiền đất	7 500 000 000	750 000 000	6 750 000 000	7 500 000 000	3 571 479 650	4 071 480 000		407 148 000	3 664 332 000	1 959 033 792	1 705 298 208	47,6	47,6	54,3	54,3
1	Thu tiền sử dụng đất	7 500 000 000	750 000 000	6 750 000 000	7 500 000 000	3 571 479 650	4 071 480 000		407 148 000	3 664 332 000	1 959 033 792	1 705 298 208	47,6	47,6	54,3	54,3
c	<i>Thu quản lý qua ngân sách (các khoản huy động đóng góp)</i>					<i>2 274 569 265</i>	<i>2 729 483 118</i>			<i>2 729 483 118</i>		<i>2 729 483 118</i>				
III	Thu trợ cấp ngân sách	540 588 000 000		540 588 000 000	540 588 000 000	330 672 399 248	395 434 240 988			395 434 240 988	332 977 962 728	62 456 278 260	61,2	61,2	73,1	73,1
1	Trợ cấp cân đối	540 588 000 000		540 588 000 000	540 588 000 000	293 957 600 000	352 749 120 000			352 749 120 000	296 322 520 000	56 426 600 000	54,4	54,4	65,3	65,3
2	Trợ cấp có mục tiêu					36 714 799 248	42 685 120 988			42 685 120 988	36 655 442 728	6 029 678 260				
IV	Thu chuyển nguồn					53 629 321 652	53 629 321 652			53 629 321 652	52 787 434 652	841 887 000				
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					41 924 919	41 924 919			41 924 919	41 924 919					

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND huyện Định Hóa)

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2022 tính giao	Dự toán 2022 HĐND huyện giao	Thực hiện đến 31/5/2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh (%)			
						TH/DT T	TH /DTH	ƯTH /DTT	ƯTH /DTH
A	B	1	2	3	4	5=3/1*100	6=3/2*100	7=4/1*100	8=4/2*100
	Tổng chi ngân sách địa phương (A+B+C+D+E)	647.985.120.988	642.859.120.988	297.777.172.035	325.342.671.436				
A	Chi trong cân đối (I+II+III)	605.300.000.000	605.300.000.000	223.323.969.130	242.365.141.531	36,9	36,9	40,0	40,0
I	Chi đầu tư phát triển	6.750.000.000	6.750.000.000	1.875.140.000	2.098.545.000	27,8	27,8	31,1	31,1
	Trong đó: Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất	6.750.000.000	6.750.000.000	1.875.140.000	1.875.140.000	27,8	27,8	27,8	27,8
II	Chi thường xuyên	586.965.000.000	586.965.000.000	218.573.468.297	236.896.075.531	37,2	37,2	40,4	40,4
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	319.328.000.000	314.921.600.000	117.735.917.535	124.608.426.764	36,9	37,4	39,0	39,6
2	Chi Quốc phòng, an ninh, trong đó:	267.637.000.000	7.265.000.000	4.053.117.597	4.671.498.871		55,8		64,3
-	Chi quốc phòng		5.765.000.000	3.531.725.064	4.214.417.435		61,3		73,1
-	Chi an ninh		1.500.000.000	521.392.533	625.671.040		34,8		41,7
3	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin		724.500.000	177.084.925	220.000.000		24,4		30,4
4	Chi sự nghiệp Thể dục thể thao		517.500.000	167.912.880	180.000.000		32,4		34,8
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		3.041.000.000	798.577.030	1.010.000.000		26,3		33,2
6	Chi đảm bảo xã hội		36.576.000.000	14.738.446.697	17.387.454.788		40,3		47,5
7	Chi sự nghiệp kinh tế		26.873.000.000	5.157.309.549	5.458.373.603		19,2		20,3
8	Chi sự nghiệp hoạt động môi trường		4.800.000.000	945.872.461	1.250.000.000		19,7		26,0
9	Chi quản lý hành chính NN, Đảng, đoàn thể		54.612.400.000	19.112.331.348	22.071.127.496		35,0		40,4
10	Chi thường xuyên khác (bao gồm chi hỗ trợ hội đặc thù)		2.290.000.000	1.825.000.000	1.825.000.000		79,7		79,7
11	Nguồn cải cách tiền lương (10 % tiết kiệm chi)		25.734.000.000				-		
12	Chi ngân sách xã		109.610.000.000	53.861.898.275	58.045.604.405		49,1		53,0
III	Dự phòng ngân sách	11.585.000.000	11.585.000.000	2.875.360.833	3.370.521.000	24,8	24,8	29,1	29,1
1	Huyện		9.503.000.000	699.560.000	759.560.000		7,4		8,0
2	Xã		2.082.000.000	2.175.800.833	2.610.961.000		104,5		125,4
B	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022			2.727.087.657	2.727.087.657				
C	Chi chuyển giao ngân sách		-	53.787.278.260	62.456.278.260				
1	Bổ sung cân đối			47.757.600.000	56.426.600.000				
2	Bổ sung mục tiêu			6.029.678.260	6.029.678.260				
D	Chi bổ sung mục tiêu ngoài kế hoạch	42.685.120.988	37.559.120.988	16.153.276.988	17.794.163.988	37,8	43,0	41,7	47,4
1	Nguồn vốn số xã kiến thiết	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	100,0	100,0	100,0	100,0
2	Kinh phí hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	16.000.000.000	16.000.000.000			-	-	-	-
3	Vốn đầu tư phân cấp cho huyện	23.631.000.000	18.505.000.000	14.464.686.000	15.587.573.000	61,2	78,2	66,0	84,2

[illegible]